TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:25/2018/HS-ST
Ngày 17-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hồng
Ông Ngô Hồng Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Phương Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2018/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Phan Duy T, sinh ngày 25/03/1985 tại Quảng Nam; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Phụ xe; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Duy H và bà Trần Thị S; có vợ và 01 con; tiền án: Ngày 28/4/2003, bị TAND tỉnh Quảng Nam xử phạt 10 năm tù về tội "Hiếp dâm trẻ em"; ngày 07/5/2010, bị TAND quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; ngày 25/02/2012, bị TAND huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xử phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 02/5/2014; ngày 19/11/2014, bị TAND thành phố Đà Nẵng xử phạt 3 năm 6 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 21.11.2017; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, bắt tạm giam từ ngày 07/02/2018, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Nguyễn Hữu Ngọc T, sinh năm: 1992; địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

Người làm chứng: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1969; địa chỉ: Thôn Q, xã

H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 40 phút ngày 07 tháng 02 năm 2018, Phan Duy T điều khiển xe mô tô biển số 61F6 – 8284 chạy trên đường quốc lộ 1A theo hướng từ Đà Nẵng đi Quảng Nam. Khi đến khu vực thôn Quá Giáng 2, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng thì T dừng xe chờ đèn đỏ, trong lúc chờ đèn đỏ Thảo nhìn vào lề đường thì thấy nhà anh Nguyễn Hữu Ngọc T mở cửa nhưng không có ai nên nảy sinh ý định vào nhà anh Nguyễn Hữu Ngọc T trộm cắp tài sản. T điều khiển xe chạy lên vỉa hè dựng xe trước nhà anh T rồi gọi to "*có ai ở nhà không*" ba lần nhưng không có ai trả lời. Sau đó, T đi vào nhà, đi xuống phòng ngủ của anh T ngay sau phòng khách, thấy anh T đang đắp chăn nằm ngủ trên giường, Phan Duy T nhìn trên đầu giường có để một chiếc Điện thoại di động Iphone 6S Plus màu trắng và một ví da màu đen bên trong có số tiền 1.080.000 đồng và một số giấy tờ cá nhân nên T liền lấy chiếc điện thoại và cái ví da. Khi T vừa cầm chiếc điện thoại và cái ví da trên tay thì anh T tỉnh dậy phát hiện. Lúc này, T cầm tài sản bỏ chạy thì anh T đuổi theo đồng thời truy hô và bắt giữ T ngay trong nhà của mình.

Tang tài vật tạm giữ: Một điện thoại di động Iphone 6S Plus, màu trắng, có sim số 0905275851, một ví da bên trong có số tiền 1.080.000 đồng, 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Hữu Ngọc T và một giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô (thuộc sở hữu của ông Nguyễn Hữu Ngọc T); một xe mô tô biển số 61F6 - 8284 và giấy chứng minh nhân dân mang tên Phan Duy T.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 08/KLĐGTS ngày 08.2.2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Hòa Vang thì chiếc điện thoại Iphone 6S Plus, màu trắng có giá trị là 9.120.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 25/CT-VKSNDHV ngày 23/5/2018, VKSND huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Phan Duy T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX:

- Về điều luật áp dụng và mức hình phạt: Áp dụng theo điểm g khoản 2 Điều 173, điểm khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 2 (hai) năm 6 (sáu) tháng đến 3 (ba) năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không có yêu cầu bồi thường thêm nên không đề cập.

- Về xử lý tang vật: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên trả lại cho bị cáo Giấy chứng minh nhân dân cho Phan Duy T; đối với xe mô tô biển số 61F6 – 8284, Cơ quan điều tra đã đăng báo thông tin

tìm chủ sở hữu chiếc xe để xác minh làm rõ nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này.

Các bị cáo thông nhất với tội danh, điều luật áp dụng và không tranh luận.

Những người tham gia tố tụng không có ý kiến.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Việc bị cáo làm gây hoang mang cho xã hội, bị cáo ăn năn hối hận mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hòa Vang, Điều tra viên, VKSND huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về xác định tội phạm: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, các lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Vào khoảng 16 giờ 40 phút ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại nhà anh Nguyễn Hữu Ngọc T ở thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, Phan Duy T có hành vi lén lút chiếm đoạt của anh T một chiếc Điện thoại di động Iphone 6S Plus màu trắng, trị giá 9.120.000 đồng và một ví da màu đen bên trong có số tiền 1.080.000 đồng, 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Hữu Ngọc T và một giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô thì bị bắt quả tang.

Hành vi nêu trên của bị cáo Phan Duy T đã cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất mức độ hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Phan Duy T thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác giữa lúc ban ngày, nơi khu vực đông dân cư nhiều người thường xuyên qua lại, chứng tỏ bị cáo liều lĩnh, xem thường pháp luật. Bị cáo sử dụng thủ đoạn giả vờ hỏi xem có người trong nhà hay không nhằm dễ dàng thực hiện hành vi phạm tội. Bản thân bị cáo có 4 tiền án, trong đó có 3 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản", lần phạm tội này thuộc trường hợp *"Tái phạm nguy hiểm"*, là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự, như Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đã truy tố và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, Hội

đồng xét xử thấy cần thiết phải xử phạt bị cáo thỏa đáng để răn đe, phòng ngừa tội phạm.

Xét, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần. Đối với lời nói sau cùng, bị cáo cho rằng mình đã ăn năn hối cải là chưa thuyết phục, do bị cáo phạm tội thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm" (kể cả bản án của TAND thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo vào ngày 19/11/2014) nên Hội đồng xét xử không chấp nhận, áp dụng tình tiết giảm nhẹ này đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đề cập. Khi nào phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

[5] Về xử lý tang vật:

Sau khi phục vụ công tác điều tra, cơ quan điều tra Công an huyện Hòa Vang đã trả lại cho người bị hại chiếc điện thoại di động Iphone 6S Plus, màu trắng, có sim số 0905275851, số tiền 1.080.000 đồng, một ví da bên, 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Hữu Ngọc T và một giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô là đúng pháp luật.

Đối với Giấy chứng minh nhân dân số 205156132 do Công an tỉnh Quảng Nam cấp cho Phan Duy T ngày 25/11/2017 thuộc sở hữu của bị cáo và không liên đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 61F6 – 8284, Phan Duy T là người quản lý và không sử dụng vào việc phạm tội. Phan Duy T khai được em trai là Phan Duy T1 trú ở thành phố Hồ Chí Minh (không nhớ rõ cụ thể địa chỉ) giao cho sử dụng. Qua xác minh thì chiếc xe này do ông Trần Văn L, trú tại: 21/44 Nguyễn Văn T, thành phố T, tỉnh Bình Dương đứng tên chủ sở hữu, nhưng thực tế tại thành phố T không có địa chỉ 21/44 Nguyễn Văn T nên chưa làm việc được với ông Trần Văn L. Cơ quan điều tra đã đăng báo thông tin tìm chủ sở hữu chiếc xe vào ngày 26/5/2018, đến nay vẫn chưa có kết quả nên Cơ quan điều tra công an huyện Hòa Vang tiếp tục tạm giữ để xác minh làm rõ là phù hợp, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phan Duy T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phan Duy T 3 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, bắt tạm giam, ngày 07/02/2018.

2. Về xử lý tang vật: Áp dụng khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên trả lại cho Phan Duy T Giấy chứng minh nhân dân số 205156132 do Công an tỉnh Quảng Nam cấp cho Phan Duy T ngày 25/11/2017.

(Giấy chứng minh nhân dân nêu trên hiện đang lưu giữ tại hồ sơ vụ án).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng)**.**

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 17/7/2018. Riêng người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- *Bị cáo*;
- *Người tham gia tố tụng;*
- *VKSND huyện Hòa Vang;*
- *VKSND tp. Đà Nẵng;*
- *Cơ quan điều tra Công an h. Hòa Vang;*
- *Thi hành án hình sự;*
- *Trại tạm giam Công an tp. Đà Nẵng;*
- *Cơ quan Thi hành án dân sự h. Hòa Vang;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Anh Tuấn